Số: 3738/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-11-18T08:41:35+07:00

Phụ lục I
HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ LỄ HỘI CÀ PHÊ BUÔN MA THUỘT LẦN THỨ 10 NĂM 2027

(Kèm theo Đề án tổ chức Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuột lần thứ 10 năm 2027)

STT	Chỉ tiêu theo dõi, đánh giá	Đơn vị tính	Kết quả, sản phẩm cần tổng hợp	Cơ quan chủ trì tổng hợp
I. CHỈ TIÊU VỀ KHÁCH DU LỊCH VÀ TRẢI NGHIỆM				
1	Tổng lượt khách tham quan, du lịch, trải nghiệm các hoạt động của Lễ hội	Lượt khách	Dự kiến 1.300.000 lượt khách; thống kê theo từng địa bàn, điểm đến và hoạt động, hạn chế trùng lặp số liệu.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
-	Khách lưu trú	Lượt khách	Dự kiến 550.000 lượt khách; thống kê theo từng địa bàn, điểm đến.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
-	Khách quốc tế	Lượt khách	Phấn đấu 23.000 lượt; tổng hợp theo quốc tịch, thị trường và hình thức lưu trú khi có dữ liệu.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Công an tỉnh
-	Thời gian lưu trú bình quân	Ngày/khách	Phấn đấu 2,5 ngày/khách; xác định từ số liệu lưu trú và khảo sát khách du lịch.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
-	Tổng thu từ hoạt động du lịch	Tỷ đồng	Phấn đấu 2.500 tỷ đồng; tổng hợp doanh thu lưu trú, ăn uống, vận chuyển, tham quan, mua sắm và dịch vụ liên quan.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Công Thương
2	Sản phẩm, tour và chương trình trải nghiệm du lịch cà phê được đưa vào khai thác hoặc tiếp tục duy trì sau Lễ hội	Sản phẩm/tour	05 khung tour và 05 chương trình tour; có tên sản phẩm, lịch, giá, sức chứa, đơn vị vận hành, tiêu chuẩn dịch vụ và điều kiện an toàn.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3	Mức độ hài lòng và nhu cầu quay trở lại của du khách	%/điểm	Tổ chức khảo sát theo mẫu thống nhất; báo cáo tỷ lệ hài lòng, tỷ lệ có nhu cầu quay trở lại, nội dung chưa hài lòng và kiến nghị cải thiện.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

STT	Chỉ tiêu theo dõi, đánh giá	Đơn vị tính	Kết quả, sản phẩm cần tổng hợp	Cơ quan chủ trì tổng hợp
II. CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ, THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ				
4	Hợp đồng, biên bản ghi nhớ, thỏa thuận thương mại và chương trình hợp tác được ký kết	Văn bản/tỷ đồng	Phấn đấu ít nhất 10 hợp đồng, biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận; thống kê tổng giá trị, lĩnh vực, đối tác và tình trạng thực hiện sau Lễ hội.	Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Dự án đầu tư được giới thiệu, kết nối và có nhà đầu tư quan tâm	Dự án/tỷ đồng	Phấn đấu ít nhất 03 dự án; lập danh mục, hồ sơ nhà đầu tư, quy mô vốn dự kiến, đầu mối và kế hoạch tiếp tục hỗ trợ sau Lễ hội.	Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính
6	Quy mô và kết quả Hội chợ triển lãm chuyên ngành cà phê	Gian hàng/giao dịch	Khoảng 600 gian hàng; 01 bản đồ số, danh mục điện tử gian hàng và sản phẩm; thống kê doanh nghiệp, khách giao dịch, hợp đồng và doanh thu thực tế.	Sở Công Thương
7	Hội nghị quốc tế Buôn Ma Thuột - Thủ phủ Robusta thế giới và xúc tiến đầu tư chế biến sâu cà phê	Hội nghị/đại biểu/sản phẩm	01 hội nghị với khoảng 700 đại biểu; công bố Tuyên bố Buôn Ma Thuột; có kỷ yếu song ngữ, báo cáo khuyến nghị, danh mục dự án và mạng lưới đối tác.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Không gian đổi mới sáng tạo ngành cà phê (trong chuỗi hoạt động của Hội chợ triển lãm chuyên ngành cà phê)	Không gian/sản phẩm	01 không gian chuyên đề; 01 bản đồ số và cơ sở dữ liệu hệ sinh thái cà phê; danh mục công nghệ, sáng kiến, dự án khởi nghiệp và kết quả kết nối chuyển giao, đầu tư.	Sở Công Thương; Sở Khoa học và Công nghệ
III. CHỈ TIÊU VỀ SẢN PHẨM VÀ GIÁ TRỊ DUY TRÌ SAU LỄ HỘI				
9	Phố Cà phê Buôn Ma Thuột	Tuyến/ không gian	01 tuyến hoặc không gian được hoàn thành, dự kiến khai trương trước ngày 01/3/2027; có tối thiểu 08 nhóm không gian chức năng, quy chế quản lý, đơn vị vận hành và lịch hoạt động thường xuyên.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND phường Buôn Ma Thuột; Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Simexco 2-9 Đắk Lắk
10	Hệ thống hỗ trợ du lịch và trải nghiệm số	Hệ thống/sản phẩm	Tối thiểu 01 bản đồ số và lịch mùa hoa; 01 Hộ chiếu cà phê Đắk Lắk; 01 trang thông tin hoặc trang đích giới thiệu, đặt tour, tra cứu giá, hotline và tiếp nhận phản ánh.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Chỉ tiêu theo dõi, đánh giá	Đơn vị tính	Kết quả, sản phẩm cần tổng hợp	Cơ quan chủ trì tổng hợp
11	Hoạt động hưởng ứng của địa phương, đoàn thể, sở, ngành và doanh nghiệp	Hoạt động/đơn vị	Mỗi xã, phường đăng ký tối thiểu 01 hoạt động; mỗi đoàn thể cấp tỉnh có tối thiểu 01 hoạt động điểm; thống kê số đơn vị, người tham gia, sản phẩm, lượt khách và khả năng duy trì.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các xã, phường; các đoàn thể cấp tỉnh
IV. CHỈ TIÊU VỀ TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢNG BÁ				
12	Cơ quan báo chí, KOL, KOC, người có sức ảnh hưởng và nhà sáng tạo nội dung tham gia	Cơ quan/ người	Khoảng 90 cơ quan báo chí và 15-20 KOL, KOC, người có sức ảnh hưởng, nhà sáng tạo nội dung trong nước và quốc tế; có danh sách và sản phẩm truyền thông cụ thể.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
13	Lượt xem và tiếp cận trên các nền tảng số	Lượt	Phấn đấu khoảng 70 triệu lượt xem và tiếp cận; báo cáo theo nền tảng, thị trường, loại nội dung và mức độ tương tác, có dữ liệu kiểm chứng.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
14	Sản phẩm và hạ tầng truyền thông chính thức	Bộ/sản phẩm/ kênh	Hoàn thành kế hoạch truyền thông tổng thể; bộ nhận diện; trang thông tin chính thức; bộ tài liệu báo chí song ngữ; trailer, video, ảnh, infographic; phim tổng kết và kho dữ liệu số.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
15	Theo dõi dư luận và xử lý thông tin sai lệch, tiêu cực	Vụ việc/tỷ lệ	Lập sổ theo dõi; thống kê số thông tin phát hiện, xác minh, phản hồi hoặc xử lý; nêu thời gian xử lý, kết quả và vấn đề cần rút kinh nghiệm.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Công an tỉnh; các cơ quan liên quan

STT	Chỉ tiêu theo dõi, đánh giá	Đơn vị tính	Kết quả, sản phẩm cần tổng hợp	Cơ quan chủ trì tổng hợp
V. CHỈ TIÊU VỀ CHẤT LƯỢNG, NGUỒN LỰC VÀ AN TOÀN				
16	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp và đại biểu	%/điểm	Khảo sát, công bố kết quả thực tế theo từng nhóm; tổng hợp kiến nghị, nguyên nhân và giải pháp khắc phục.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
17	Chất lượng lưu trú, vận chuyển, ăn uống, niêm yết giá, thông tin chỉ dẫn và dịch vụ hỗ trợ	Cơ sở/vụ việc/tỷ lệ	Thống kê cơ sở được kiểm tra, cơ sở cam kết niêm yết giá, số phản ánh tiếp nhận và kết quả xử lý; đánh giá chất lượng phục vụ theo từng nhóm dịch vụ.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Công Thương; UBND các địa phương
18	Kết quả huy động xã hội hóa và hiệu quả sử dụng kinh phí	Tỷ đồng/%	Thống kê tổng số huy động, tỷ lệ xã hội hóa, cơ cấu nguồn lực, giá trị hiện vật, cơ cấu chi và sản phẩm đầu ra; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định.	Sở Tài chính; Sở Công Thương; các cơ quan vận động tài trợ
19	An ninh, trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ	Vụ việc/tỷ lệ	Báo cáo số điểm, hoạt động được kiểm tra; số vụ việc, mức độ, thời gian và kết quả xử lý; đánh giá việc thực hiện phương án và kiến nghị phòng ngừa.	Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; UBND các địa phương
20	Y tế, phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường	Cơ sở/vụ việc/tấn hoặc kg	Thống kê cơ sở, địa điểm được kiểm tra; số vụ việc và kết quả xử lý.	Sở Y tế; UBND các địa phương
21	Tiến độ, chất lượng thực hiện chương trình và chế độ báo cáo	Hoạt động/báo cáo/tỷ lệ	Thống kê hoạt động hoàn thành đúng kế hoạch, điều chỉnh, hoãn hoặc hủy; 100% cơ quan chủ trì gửi báo cáo, số liệu, hình ảnh và hồ sơ trong 10 ngày làm việc sau khi kết thúc hoạt động.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các cơ quan chủ trì hoạt động

Ghi chú: *Cơ quan chủ trì từng hoạt động chịu trách nhiệm chuẩn hóa, kiểm chứng và gửi số liệu, tài liệu minh chứng về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chậm nhất 10 ngày làm việc sau khi kết thúc hoạt động. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp, đối chiếu, loại trừ số liệu trùng lặp và báo cáo UBND tỉnh theo quy định.*